

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27-11-2020

“Về việc: Không công nhận quan hệ vợ
chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyền

2. Ông Nguyễn Đình Nghịch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hải Lý - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Nguyên - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 387/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Minh D, sinh năm 1971 - Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 10, xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1973 - Có mặt

Nơi cư trú: Thôn 10, xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2020, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Minh D trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi với bà Hoàng Thị N về chung sống với nhau từ 1991 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chúng tôi có hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm trở lại đây thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải nên chúng tôi đã ly thân được một thời gian.

Xét thấy tình cảm giữa tôi với bà Hoàng Thị N không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi với bà Hoàng Thị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 03 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 20/12/1991; Trần Văn H1, sinh ngày 20/11/1995 và Trần Thị Kim N, sinh ngày 20/7/1997. Do các con chung đều đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông Trần Minh D không trình bày gì thêm.

* *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thừa nhận lời trình bày của ông Trần Minh D về thời điểm chung sống, về việc hai vợ chồng sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và tình trạng hôn nhân giữa ông bà hiện nay mà ông D nêu ở trên là đúng. Hiện nay chúng tôi không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa nên tôi đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của ông D đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng cho chúng tôi.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 03 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 20/12/1991; Trần Văn H1, sinh ngày 20/11/1995 và Trần Thị Kim N, sinh ngày 20/7/1997. Do các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không trình bày gì thêm.

Phản tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Trần Minh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Hoàng Thị N; Bị đơn bà Hoàng Thị N nhất trí như yêu cầu của ông Trần Minh D.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Trần Minh D khởi kiện bị đơn bà Hoàng Thị N cư trú tại thôn 10, xã Krông B, huyện Krông P, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn của ông Trần Minh D, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết “Không công nhận quan hệ vợ chồng cho ông và bà Hoàng Thị N”. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D với bà Hoàng Thị N thì thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh D và bà Hoàng Thị N thừa nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 cho tới nay nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Và tại đơn xin xác nhận của UBND xã Krông B xác nhận ông D bà N không có đăng ký kết hôn tại xã Krông B. Như vậy, việc ông D và bà N không có đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có nêu:

Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Mặt khác, theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của ông Nhã và bà D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Do đó Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Minh D và bà Hoàng Thị N.

- *Về con chung:* Đối với 03 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 20/12/1991; Trần Văn H1, sinh ngày 20/11/1995 và Trần Thị Kim N, sinh ngày 20/7/1997. Do các con chung đều đã trưởng thành nên ông Trần Minh D và bà Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông Trần Minh D và bà Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Ông Trần Minh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Minh D và bà Hoàng Thị N.

2. Về con chung: Đối với 03 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 20/12/1991; Trần Văn H1, sinh ngày 20/11/1995 và Trần Thị Kim N, sinh ngày 20/7/1997. Do các con chung đều đã trưởng thành nên ông Trần Minh D và bà Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Trần Minh D và bà Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Minh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông Trần Minh D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0016072 ngày 09 tháng 10 năm 2020.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Krông B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh